

Bản án số: 663/2019/HS-PT
Ngày 28-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười
Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 373/2019/HSPT ngày 15/7/2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị Kim T1 do có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P1 ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 847/2019/QĐXXPT-HS ngày 03/10/2019.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thành T (NE), sinh năm: 1985 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1956 và bà Lê Ngọc V, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Thanh Hiền, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/10/2018, chuyển tạm giam từ ngày 31/10/2018 cho đến nay; Có mặt.

2. Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm: 1996 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Ng (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2018, trả tự do theo Quyết định số 78/2019/HSST-QĐ ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến tre. Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, có nội dung: Tại quán Karaoke A, địa chỉ: khu phố B1, Phường 6, thành phố Bến Tre có nhiều phòng karaoke hoạt động quá giờ quy định, trong phòng có nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Bến Tre phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ cùng lực lượng Công an Phường 6, thành phố Bến tre tiến hành kiểm tra vào lúc 00 giờ 50 ngày 21/10/2018 phát hiện tại các phòng karaoke từ Vip 1 đến Vip 6 và phòng số 8 có nhiều đối tượng có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy. Tiếp tục kiểm tra hành chính quán Karaoke A, phát hiện có 13 phòng đang hoạt động quá giờ quy định, trong đó có 07/13 phòng có nhiều người, đồ vật, dụng cụ có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy.

Trên cơ sở phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Lê Thành Th và Phạm Thị Thùy Trú có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy tại phòng Vip 4, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Bến Tre tiến hành khám xét khẩn cấp toàn bộ các khu vực của quán Karaoke A. Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều thảo mộc khô, viên nén nghi là chất ma túy và nhiều đồ vật, tài sản có liên quan khác.

Tại Kết luận giám định số 4390/C09B ngày 01/11/2018 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Gói V1: Tinh thể màu trắng (ký hiệu V1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,4691 gam, loại Ketamine.

- Gói V2: Tinh thể màu trắng (ký hiệu V2.1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3829 gam, loại Ketamine. Viên nén màu xanh có chữ EA7 (ký hiệu V2.2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4054 gam, loại MDMA.

- Gói V3: Chất bột màu trắng (ký hiệu V3) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2928 gam, loại Ketamine.

- Gói V4: Tinh thể màu trắng (ký hiệu V4.1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4470 gam, loại Ketamine. Viên nén màu cam có chữ VL và các mảnh vỡ của viên nén màu cam (ký hiệu V4.2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,9614 gam, loại MDMA.

- Gói V6: 03 (ba) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau (ký hiệu V6) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,0729 gam, loại MDMA.

- Gói V7: Tinh thể màu trắng (ký hiệu V7) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1404 gam, loại Ketamine.

- Gói V8: Tinh thể màu trắng đựng trong 05 (năm) gói nylon có vạch màu xanh (ký hiệu V8.1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 2,1263 gam, loại Ketamine. 10 (mười) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau và nửa viên nén màu xanh (ký hiệu V8.2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,4018 gam, loại MDMA.

- Gói V9: 06 (sáu) viên nén màu nâu bao gồm 02 (hai) viên logo “vương miện” (ký hiệu V9.1) và 04 (bốn) viên logo “channel” (ký hiệu V9.2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng khối lượng 2,4063 gam, loại Ketamine.

- Gói V10: Tinh thể màu trắng (ký hiệu V10) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,4783 gam, loại Ketamine.

- Gói V11: Chất màu trắng (ký hiệu V11) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1118 gam, loại Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 4392/C09B ngày 30/10/2018 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Gói K13: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) bao nylon có chữ COFFEE được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K19: 95 (chín mươi lăm) viên nén màu xám trên mỗi viên đều có hai mặt có chữ “LAST LONGER” và “DURACELL MDMAPOWE” đựng trong 01 (một) túi nylon có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 47,0989 gam, loại MDMA.

- Gói K20: 45 (bốn mươi lăm) túi nylon có vạch màu xanh chứa tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 16,8432 gam, loại Ketamine.

- Gói K23: Thảo mộc khô đựng trong 02 (hai) gói nylon có chữ COFFEE được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

- Gói K39: Nhiều hạt rắn, màu xanh và nâu đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,2740 gam, loại MDMA và Ketamine.

(Thảo mộc đựng trong gói ký hiệu K13, K23 đều có chứa thành phần 5-fluoro MDMB PICA là một dạng cần sa tổng hợp mới xuất hiện tại Việt Nam, không có trong danh mục ma túy theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ). (Các mẫu còn lại sẽ trả lời bổ sung).

Tại Kết luận giám định bổ sung số 4392/C09B ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Gói K1: Thảo mộc khô đựng trong 08 (tám) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K4: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) nylon có vạch màu xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4343 gam, loại Ketamine.

- Gói K5: Thảo mộc khô đựng trong 18 (mười tám) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K7: Thảo mộc khô đựng trong 19 (mười chín) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K9: Thảo mộc khô đựng trong 10 (mười) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,0943 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K11: Thảo mộc khô đựng trong 07 (bảy) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,9142 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K14: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) bao nylon có chữ COFFEE và 01 (một) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định

không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K15: Thảo mộc khô đựng trong 02 (hai) túi nylon và nhiều điều thuốc lá được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K16: Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon màu trắng có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1503 gam, loại Ketamine.

- Gói K17: Chất bột màu trắng dính trong 10 (mười) gói nylon đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine.

- Gói K21: 02 (hai) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau đựng trong 01 (một) túi có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7328 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K22: Thảo mộc khô đựng trong 13 (mười ba) gói nylon bên ngoài CLOUD 9 được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 58,73 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K24: 13 (mười ba) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau đựng trong túi nylon màu trắng có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,3773 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K25: 02 (hai) mảnh viên nén màu nâu đựng trong 01 (một) túi nylon có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,6828 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K26: Chất màu nâu đựng trong 01 (một) túi nylon màu trắng vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,6215 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K27: Một mảnh viên nén màu xanh đựng trong 01 (một) túi nylon màu trắng vạch đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,2173 gam, loại Ketamine.

- Gói K29: 02 (hai) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau đựng trong 01 túi nylon màu trắng có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,0245 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K30: 01 (một) viên nhộng màu xám đựng trong 01 (một) túi nylon có vạch đỏ được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Gói K31: Thảo mộc khô đựng trong 04 (bốn) điều thuốc lá hiệu “JET” và 04 (bốn) gói nylon có chữ CLOUD 9 được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 20,6865 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K32: 03 (ba) viên nén màu xanh có chữ VL lồng vào nhau đựng trong 01 (một) túi nylon có vạch màu đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,1567 gam, loại MDMA và Methamphetamine.

- Gói K33: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) túi nylon hàn kín có chữ “WILDFIRE” và 01 (một) gói giấy màu vàng “AUSTRALIA” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 3,4542 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K34: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4104 gam, loại AMB-UBINACA.

- Gói K35: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) gói giấy màu vàng có chữ “AUSTRALIA” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,8933 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K36: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) gói giấy màu vàng có chữ “AUSTRALIA” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,1961 gam, loại AMB - FUBINACA.

- Gói K37: Thảo mộc khô đựng trong 10 điều thuốc lá hiệu “555” được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Gói K38: Thảo mộc khô đựng trong 01 (một) túi nylon hàn kín có chữ “CLOUD 9” và 01 (một) gói giấy màu vàng có chữ “AUSTRALIA” được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 5,2515 gam, loại AMB-FUBINACA.

(Thảo mộc đựng trong gói ký hiệu K1, K5, K7, K14 đều có chứa thành phần 5-fluoro MDMB PICA là một dạng cần sa tổng hợp mới xuất hiện tại Việt Nam, không có trong danh mục ma túy theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP đề ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến tre đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Vũ K về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thành T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo

điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; Đặng Trường G, Phạm Minh Tr, Nguyễn Thành A, Lê Hữu V, Võ Thành L, Nguyễn Thị Kim T1, Huỳnh Phúc Th1, Hồ Văn H và Nguyễn Chí Th2 về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Lê Thị Tú Q, Bùi Lâm Minh H1 và Đinh Hùng Ph về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo:

- Bị cáo **Nguyễn Thành T** phạm tội “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 (cả hai tội); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 05 (năm) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và 05 (năm) năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/10/2018.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 phạm tội “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 03 (ba) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 05 tháng 6 năm 2019. Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre và gia đình bị cáo phối giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Mặt khác, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo còn lại, xử lý vật chứng, việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P1 đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo T1.

Tại phiên tòa, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích về quyền mời luật sư bào chữa, nội dung quyết định kháng nghị, các bị cáo xin không mời luật sư,

mà đề nghị Viện kiểm sát xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân của mình đề rút kháng nghị về việc tăng hình phạt, giữ y án sơ thẩm. Cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành T đồng ý về hai tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên bị cáo cho rằng Viện kiểm sát đã kháng nghị đối với bị cáo về tăng hình phạt là quá cao, quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội do sự gợi ý của bị cáo G, thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian không dài, không trực tiếp tham gia mua bán mà chỉ hùn vốn, không quyết liệt phạm tội đến cùng, bị cáo không có cho thuê, cho mượn mà bỏ mặc, buông lỏng quản lý để những người khác thực hiện việc sử dụng ma túy tại quán trong điều kiện bị cáo quản lý; hoàn cảnh bị cáo đặc biệt khó khăn (cha là thương binh $\frac{3}{4}$, có nhiều người thân trong gia đình tham gia kháng chiến), bị cáo nuôi cha và con nhỏ 03 tuổi, là lao động chính trong gia đình, bản thân bị tai nạn giao thông còn cấp nẹp kim loại trong người thời hạn mổ là hai năm nhưng bị cáo bị tạm giam. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 đồng ý về tội danh và điều luật mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Về hành vi phạm tội, bị cáo tham gia mua bán 04 lần 08 viên thuốc lắc nhưng ở vai trò giúp sức cho Tr bán ma túy, không trực tiếp bán, không nhận tiền. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: có một lần bị cáo tự khai mua vào ngày 24/8/2018 ở bản tự khai thể hiện người phạm tội tự thú, bị cáo có tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ vụ án, bị cáo phạm tội lần đầu; không có tình tiết tăng nặng, thực hiện hành vi phạm tội không chủ động mà theo gợi ý của Tr (**chồng**), có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện KSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến phát biểu: Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, cho thấy các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thành T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo T, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Thành T đã áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự, cụ thể đã xem xét thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp tiền thu lợi bất chính, quá

trình điều tra tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; cha của bị cáo (ông Nguyễn Văn Tr) là thương binh, ông ngoại của bị cáo (ông Lê Văn Th) được tặng Kỷ niệm chương “Chiến sĩ cách mạng bị bắt, tù đầy”; bị cáo đang bị thương tật, có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và 05 (năm) năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù là có căn cứ, đúng tính chất hành vi và mức độ của tội phạm, hậu quả xảy ra. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo T.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy từ khoảng cuối tháng 8/2018 đến ngày 20/10/2018, T1 trực tiếp mua ma túy của K tất cả là 05 lần với 10 viên “thuốc lắc” trong đó 01 lần mua 02 viên để sử dụng, 04 lần 08 viên mua đem xuống đưa cho Tr bán cho khách. Bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán ma túy nhiều lần, với nhiều người, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết như: bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Tr đã nộp thay tiền thu lợi bất chính cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có ông họ (ông Nguyễn Văn T – em ông nội) là liệt sĩ; bị cáo tham gia với vai trò trung gian giúp sức cho Tr mua bán ma túy, không trực tiếp bán và nhận tiền. Từ đó, áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 03 (ba) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng chuyển hình phạt 03 năm tù giam, không cho bị cáo T1 hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đều cho rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có lời xin lỗi về hành vi đã gây ra và yêu cầu Viện kiểm sát rút kháng nghị để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, sau khi nghe Hội đồng xét xử hỏi về quyền mời luật sư hoặc nhờ tòa án chỉ định luật sư, nhưng các bị cáo không có ý kiến, chỉ xin Viện kiểm sát rút kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Viện kiểm sát đã rút một phần kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành T. Nhận thấy việc rút kháng nghị là hợp pháp, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1:

Tại phiên tòa, bị cáo T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình với vai trò như sau: T1 vào làm nhân viên tại Karaoke A từ khoảng đầu tháng 8/2018, quá trình làm việc, T1 biết bị cáo Nguyễn Văn Vũ K và Đặng Trường G bán ma túy cho khách. Do thấy nhiều nhân viên tại Karaoke A bán ma túy nhưng không bị bắt nên khi bị cáo K có nói với bị cáo T1 khi nào khách có nhu cầu sử dụng ma túy thì nói K đưa ma túy bán cho khách để hưởng lợi thì T1 đồng ý. Từ khoảng cuối tháng 8/2018 đến ngày 20/10/2018, T1 trực tiếp mua ma túy của K tất cả là 05 lần với 10 viên “thuốc lắc” trong đó 01 lần mua 02 viên để sử dụng, 04 lần 08 viên mua đem xuống đưa cho Tr bán cho khách, số tiền mua bán ma túy do Tr và K tính với nhau. Tiền thu lợi từ việc bán 08 viên “thuốc lắc” là 160.000 đồng đều do Tr cất giữ do cả hai sống như vợ chồng.

Với hành vi, vai trò và định lượng các loại chất ma túy trên cơ sở giám định mà bị cáo T1 đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy đã xâm phạm đến sự độc quyền về quản lý ma túy của Nhà nước, trong vụ án có nhiều người tham gia mua bán nhằm thu lợi bất chính, từ việc mua bán ma túy gây tác hại xấu đến trật tự trị an ở địa phương; gây ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, sức khỏe của người sử dụng ma túy. Bị cáo phạm tội với hai tình tiết định khung hình phạt là phạm tội nhiều lần, với nhiều người; vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được áp dụng hình phạt tù có mức độ tương xứng nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Tr đã nộp thay tiền thu lợi bất chính cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có ông họ (ông Nguyễn Văn T – em ông nội) là liệt sĩ; bị cáo tham gia với vai trò trung gian giúp sức cho Tr mua bán ma túy, không trực tiếp bán và nhận tiền. Từ đó, áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 03 (ba) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo, trái với quy định tại Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TATC và chính sách phòng chống việc mua bán trái phép chất ma túy của Nhà nước ta.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo T1 phạm tội có hai tình tiết định khung tăng nặng, đó là phạm tội nhiều lần, bán ma túy cho nhiều người được quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã cho rằng gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có ông họ (ông Nguyễn Văn T – em ông nội) là liệt sĩ nên áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 là không đúng với hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại điểm 5, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP. Trường hợp này cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm, không cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho rằng kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Ngoài ra, trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Lâm Minh H, Đinh Hùng Ph, Lê Thị Tú Q với tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quyết định hình phạt tù nhưng cho các bị cáo này được hưởng án treo là vi phạm hướng dẫn của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

Mặc dù không có kháng nghị hay kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo nêu trên, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm kiến nghị TAND tối cao, Viện KSND tối cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 344; điểm b, khoản 1, Điều 355 và điểm d, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thành T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 5/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1.

Tuyên xử:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 03 (ba) năm tù.

2/ Kiến nghị: Các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm về phần hình phạt, không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Bùi Lâm Minh Hiếu, Đinh Hùng Phạm, Lê Thị Tú Quỳnh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA(2). VP(6) 17b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Minh